

COMBINATION OF ECONOMIC & POLITICAL REFORMS OVER THE LAST TEN YEARS

NGÔ QUANG ĐỊNH

College of Social Sciences and Humanities

(Received, Mar. 26, 1998)

Abstract:

"Combining, at the very start, economic with political reforms-focusing on the former and gradually carrying out the latter". This is one of the six experiences gained over the last ten years of renovation reviewed and pointed out by our Party (1986 - 1996). Fully understanding the combination between economic and political reforms enables us, on the one hand, to clearly define the causes leading to the success of our Party and people over the last ten years, and on the other, to firmly march in the path chosen.

SỰ KẾT HỢP GIỮA ĐỔI MỚI KINH TẾ VỚI ĐỔI MỚI CHÍNH TRỊ TRONG 10 NĂM (1986 - 1996)

(Nhận được ngày 26/3/1998)

Tóm tắt:

"Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị". Đây là một trong sáu bài học kinh nghiệm chủ yếu mà Đảng ta rút ra từ thực tiễn của công cuộc đổi mới hơn 10 năm qua (1986 - 1996). Hiểu cho đúng sự kết hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, một mặt để chúng ta hiểu rõ nguyên nhân dẫn đến thành công của Đảng và nhân dân ta hơn 10 năm qua, mặt khác, từ bài học có ý nghĩa lý luận và thực tiễn này giúp chúng ta vững bước đi lên trên con đường đi tới tương lai mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm (1986 - 1996) trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nêu rõ: "Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị"[1]. Đây là một trong sáu bài học kinh nghiệm chủ yếu mà Đảng ta rút ra từ thực tiễn của công cuộc đổi mới, được khởi xướng từ Đại hội VI (12 - 1986). Hiểu cho đúng sự kết hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị không những để làm rõ nguyên nhân dẫn đến thành công của Đảng ta hơn 10 năm qua, mà cái chính là từ bài học có ý

nghĩa lý luận và thực tiễn này để tiếp tục soi sáng cho những bước phát triển đi lên của đất nước mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Trở lại tình hình cách đây hơn 10 năm, như Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12 - 1986) đã chỉ rõ: sau 10 năm cải tạo và xây dựng CNXH (1975 - 1985), bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang đứng trước những khó khăn, thử thách nghiêm trọng. Sản xuất tăng chậm, không tương ứng với khả năng vốn có, không đáp ứng được yêu cầu về ổn định đời sống của nhân dân. Hiệu quả của sản xuất và đầu tư thấp; tài nguyên của đất nước chưa được khai thác, lại bị lãng phí trong sử dụng; phân phối lưu thông rối ren, căng thẳng. Vật giá tăng nhanh, ngân sách thâm hụt. Nạn lạm phát ngày một nghiêm trọng; những mất cân đối lớn trong nền kinh tế chậm được thu hẹp, có mặt lại gay gắt hơn trước; quan hệ sản xuất XHCN chậm được củng cố, vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh suy yếu; đời sống nhân dân, nhất là công nhân viên chức và lực lượng vũ trang gặp nhiều khó khăn; tiêu cực trong xã hội phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm, pháp luật, kỷ cương xã hội không nghiêm minh. Nạn làm ăn phi pháp không bị trừng trị kịp thời và nghiêm khắc. Quần chúng giảm lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Nhà nước...[2].

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật những tồn tại của tình hình đất nước, Đại hội VI đã nghiêm khắc tự phê bình những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong 10 năm qua. Đại hội cho rằng, đó là những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng. Đó là những biểu hiện của tư tưởng tiểu tư sản vừa "tả" khuynh vừa "hữu" khuynh[3].

Những sai lầm và khuyết điểm trong lĩnh vực kinh tế, xã hội Đại hội VI cho rằng nó bắt nguồn từ những khuyết điểm trong công tác tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng.

Trong lĩnh vực tư tưởng, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và sự yếu kém về vận dụng các quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta. Về tổ chức, khuyết điểm lớn nhất là thiếu quy hoạch và chậm đổi mới cán bộ; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mang nặng chủ nghĩa quan liêu; tổ chức bộ máy quá lớn, chồng chéo và kém hiệu lực, giáo dục và quản lý cán bộ, Đảng viên thiếu chặt chẽ[4].

Nhấn mạnh những điểm nêu trên để khẳng định rằng, đổi mới là một tất yếu khách quan, là quy luật vận động của cuộc sống và là vấn đề sống còn của CNXH ở Việt Nam. Đồng thời, cũng từ đó để chúng ta hiểu rằng, đổi mới ở nước ta không chỉ diễn ra ở một lĩnh vực riêng biệt nào, mà nó diễn ra một cách toàn

diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó nổi bật nhất là phải đổi mới về kinh tế và về chính trị.

Tuy nhiên, ngay từ đầu, quan điểm có tính nhất quán của Đảng ta là đổi mới phải giữ cho được sự ổn định, phải nhằm góp phần củng cố vững chắc sự ổn định của đất nước, tạo đà cho sự phát triển. Đảng ta không chấp nhận sự đổi mới bằng bất cứ giá nào. Lập trường có tính nguyên tắc của Đảng ta là: *"Xác định rõ đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về CNXH và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp... Đổi mới phải được thực hiện trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được. Phê phán nghiêm túc sai lầm khuyết điểm phải đi đôi với khẳng định những việc làm đúng, không phủ nhận sạch trơn quá khứ, không hoang mang, mất phương hướng, từ thái cực này chuyển sang thái cực khác"*[5].

Từ bài học kinh nghiệm của cải tổ, cải cách của Liên Xô và các nước Đông Âu càng giúp cho Đảng ta hiểu rõ hơn về những bước đi của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam. Ở thời điểm bắt đầu của công cuộc đổi mới, do cân nhắc thận trọng, kỹ lưỡng mọi mặt của tình hình đất nước và những biến động ngày càng phức tạp của quốc tế lúc bấy giờ, Đảng ta đã sớm đưa ra quyết định trong đường lối đổi mới của mình, là phải kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Đây chính là biểu hiện trách nhiệm cao của Đảng trước những thử thách, khó khăn mang tính sống còn của CNXH ở Việt Nam mà Đảng ta và cả dân tộc đã lựa chọn. Đồng thời đây cũng chính là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo phép biện chứng của học thuyết Mác-Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong hoàn cảnh cụ thể ở nước ta.

Vấn đề giữa hai lĩnh vực kinh tế và chính trị có mối quan hệ hữu cơ với nhau, thực hiện thành công đổi mới trong lĩnh vực này có ý nghĩa góp phần thúc đẩy việc giải quyết nhiệm vụ đổi mới trong lĩnh vực kia. Tuy nhiên trong hai lĩnh vực ấy, Đảng ta cho rằng trước hết phải đổi mới về kinh tế. Bởi có thực hiện tốt khâu đột phá có ý nghĩa then chốt này thì mới khắc phục được tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng của đất nước, vốn đã tích tụ từ nhiều năm trước đó. Vả lại, không tiến hành ngay và đúng đổi mới về kinh tế thì sẽ không tạo được điều kiện và tiền đề vật chất để đổi mới trên các lĩnh vực khác.

Hơn nữa, Đảng ta xác định đổi mới kinh tế là trọng tâm vì kinh tế bao giờ cũng là cơ sở, là nền tảng của một xã hội. Về mặt lý luận thì vậy, trong thực tế sau 10 năm cải tạo và xây dựng CNXH (1975 - 1985), vấn đề bức xúc nhất lúc bấy giờ đặt ra cho Đảng ta phải giải quyết chưa phải là vấn đề chính trị, mà là cuộc sống quá khó khăn hằng ngày của người dân, là tình trạng trì trệ, kém phát triển của nền kinh tế nước nhà. Cũng chính vì lẽ đó, mà trước khi tiến hành Đại hội VI, vào thời điểm cuối những năm 70 và đầu những năm 80, Đảng ta đã có một số Nghị quyết của Trung ương, của Bộ chính trị và các chỉ thị của Ban bí thư

về vấn đề kinh tế, nhằm tháo gỡ những khó khăn lúc bấy giờ. Tuy còn nhiều hạn chế, song có thể coi những chỉ thị và nghị quyết đó là sự tìm tòi khảo nghiệm, và là sự chấm phá ban đầu của đổi mới kinh tế sau này. Nó chính là dấu gạch nối giữa lối tư duy cũ với tư duy mới của Đảng ta về kinh tế.

Sau Đại hội VI (12 – 1986), Đảng ta có nhiều Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương, của Bộ chính trị về đổi mới kinh tế như : Nghị quyết Trung ương 2 (4 – 1987) về phân phối lưu thông, thực hiện “4 giảm”, bỏ ngăn sông cấm chợ; Nghị quyết Trung ương 3 (8 – 1987) về đổi mới quản lý Nhà nước đối với các xí nghiệp quốc doanh; Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (1988) về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp... Đặc biệt, sau Đại hội VII, Đảng ta có Nghị quyết Trung ương 5 (6 – 1993) về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn ; Nghị quyết Trung ương 7 (7 – 1994) về công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Những nghị quyết trên vừa thể hiện sự đổi mới về kinh tế, nhưng cũng đồng thời bao hàm cả sự đổi mới về tư duy chính trị. Do hoàn cảnh của nước ta từ một nước nông nghiệp nghèo nàn và lạc hậu, lại phải trải qua 30 năm chiến tranh ác liệt, tiến thẳng lên CNXH nên trong thời kỳ quá độ, Đảng ta thừa nhận sự tồn tại của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đa hình thức sở hữu, vận hành theo cơ chế thị trường, mở cửa, cạnh tranh và cho kinh tế tư bản tư nhân phát triển không hạn chế cả về quy mô và phạm vi; chấp nhận còn có bóc lột và coi tiền tệ, chất xám, sức lao động cũng là hàng hóa v.v...[6].

Điều cần lưu ý ở đây như đã nêu là, ngay trong quá trình đổi mới kinh tế, bản thân nó đã hàm chứa những nội dung và nhân tố của đổi mới chính trị. Và, trong đổi mới tư duy chính trị, nhất là việc xác định đường lối đối nội, đối ngoại, nhiệm vụ, mục tiêu và các giải pháp, chính sách để thực hiện thì bản thân nó cũng đã bao hàm cả những nhân tố về đổi mới kinh tế.

Rõ ràng đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị là một sự kết hợp biện chứng và bản thân chúng được tiến hành đồng thời trong một quá trình thống nhất, không biệt lập, tách rời. Nếu như đổi mới kinh tế là cơ sở, là tiền đề vật chất cho đổi mới chính trị, cho sự ổn định của tình hình đất nước thì bản thân việc đổi mới chính trị cũng có vai trò không kém phần quan trọng đối với đổi mới kinh tế.

Đổi mới chính trị vừa giúp cho đổi mới kinh tế đi theo đúng định hướng phát triển của đất nước, đồng thời vừa tạo ra những điều kiện và môi trường thuận lợi để đẩy nhanh quá trình đổi mới kinh tế. Nói cách khác là nó khắc phục những khiếm khuyết bệnh tật của một thời quan niệm không đúng về chủ nghĩa xã hội; nó gỡ bỏ những trói buộc không cần thiết để tạo sự thông thoáng, cởi mở nhằm phát huy mọi nguồn lực của đất nước, đặc biệt là phát huy tiềm năng, nhân tố con người – động lực chính của sự phát triển.

Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của lĩnh vực chính trị là rất phức tạp và nhạy cảm, hơn nữa Đảng ta đã hiểu rõ dã tâm của các thế lực thù địch, chúng

không từ bỏ bất cứ một âm mưu thủ đoạn nào để chống phá CNXH, nên trong đổi mới chính trị Đảng ta xác định phải có những bước đi hết sức thận trọng, vững chắc, tuyệt đối không được để xảy ra những đảo lộn không cần thiết. Không làm được như vậy thì hậu quả chắc chắn sẽ khó lường.

Trong đổi mới chính trị, Đảng ta xác định rõ là đổi mới tư duy chính trị, đổi mới nội dung, tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, chứ không phải là thay đổi định hướng chính trị, thay đổi chế độ chính trị. Thực chất và nội dung chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị theo Đảng ta là thực hiện tốt hơn nữa nền dân chủ XHCN, phát huy đầy đủ vai trò và quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong quá trình đổi mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm mọi quyền lực thực sự thuộc về nhân dân.

Hơn 10 năm qua, với nhận thức trên, bên cạnh việc đẩy mạnh đổi mới về kinh tế, Đảng ta luôn quan tâm, chú ý đến việc đổi mới về chính trị. Sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã có các Nghị quyết 5, 6, 7, 8 - Đó là những Nghị quyết đề ra các chủ trương, biện pháp nhằm củng cố, xây dựng Đảng, tăng cường công tác quần chúng, đề ra các nguyên tắc đổi mới và xác định mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và nhân dân. Đồng thời, trong những Nghị quyết trên, Đảng ta cũng đã chỉ rõ nguyên nhân dẫn đến sai lầm trong cải tổ, cải cách ở Liên Xô và Đông Âu, từ đó để chấn chỉnh công tác tư tưởng trong toàn Đảng và xác định phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới.

Sau Đại hội toàn quốc lần thứ VII (6 - 1991), để thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2.000 cũng như cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ chính trị đã có nhiều Nghị quyết quan trọng về đổi mới chính trị như: Nghị quyết Trung ương 2 (12 - 1991), Nghị quyết Trung ương 8 (1 - 1995) về xây dựng và hoàn thiện bộ máy Nhà nước, sửa đổi Hiến pháp, cải cách bộ máy hành chính; Nghị quyết Trung ương 3 (6 - 1992) về xây dựng Đảng, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại; Nghị quyết Trung ương 4 (11 - 1992) về chăm lo con người, đổi mới công tác giáo dục, y tế, văn hóa; Nghị quyết 9 của Bộ chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng v.v... Đặc biệt, sau Đại hội VIII, Đảng ta đã có Nghị quyết Trung ương 2 về giáo dục và đào tạo...; Nghị quyết Trung ương 3 (6 - 1997) về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh và về chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực hiện những Nghị quyết nêu trên, tuy còn một số khuyết điểm, tồn tại cần phải khắc phục, nhưng nhìn chung mọi sinh hoạt (cả trong Đảng, Nhà nước và xã hội) dân chủ hơn, tiến bộ hơn, Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hóa được phát huy. Các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc đoàn kết, gắn bó trong sự nghiệp dân giàu, nước

mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đồng bào ta ở nước ngoài cũng ngày càng hướng về quê hương vì đại nghĩa ấy. Mọi người dân đều cảm nhận một cuộc sống thoải mái hơn, lạc quan hơn, và chính vì thế họ lại càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong những bước đường đi lên của dân tộc và đất nước.

Rõ ràng, Đảng ta không hề coi nhẹ việc đổi mới về chính trị, mà ngược lại, cùng với đổi mới kinh tế, coi đổi mới kinh tế là trọng tâm, Đảng đã có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm đổi mới chính trị, đưa đất nước vượt qua khó khăn, phát triển đi lên và ngày càng vững mạnh. Xin dẫn ra đây một vài số liệu để minh chứng cho thắng lợi to lớn trong công cuộc đổi mới hơn 10 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng:

- Tỷ lệ lạm phát năm 1986 lên đến 774,7%, đến năm 1988 ở mức 393,8%, đến năm 1991 giảm xuống còn 67,1% và đến năm 1995 chỉ còn 12,7%. Đặc biệt, năm 1996 lạm phát chỉ còn 4,5% và 7 tháng đầu năm 1997 chỉ là 1,7%.

- Kinh tế tăng trưởng với nhịp độ nhanh và ổn định : Kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, GDP tăng 3,9%; kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, GDP tăng bình quân 8,2% (1991 : 6%, 1992 : 8,6%, 1993 : 8,4%, 1994 : 8,8%, 1995 : 9,5%). Năm 1996, mặc dù gặp thiên tai khắp 3 miền đất nước, nhưng GDP vẫn tăng, đạt 9,34% so với năm 1995. Năm 1997, với kết quả của 8 tháng đầu năm, có thể dự báo được tốc độ tăng GDP đạt khoảng 9%.

- Về xuất khẩu : Đến nay, sản phẩm hàng hóa Việt Nam đã có mặt trên thị trường 120 nước và vùng lãnh thổ, với số lượng và chất lượng ngày càng cao. Tổng kim ngạch xuất khẩu bình quân/năm trong 5 năm 1986 - 1990 đạt 1.370 triệu rúp - đôla, gấp 4,5 lần thời kỳ 1976 - 1980 và 2,4 lần thời kỳ 1981 - 1985, tăng 4.425,8 triệu USD thời kỳ 1991 - 1995 và 7.255,8 triệu USD năm 1996. Dự kiến khoảng 8 tỷ USD năm 1997. Một trong những mặt hàng chủ lực xuất khẩu của Việt Nam là dầu thô và gạo. Tính chung đến 15 - 8 - 1997, Việt Nam đã xuất khẩu 50 triệu tấn dầu thô và 17,4 triệu tấn gạo.

- Về nông nghiệp : Từ một nước phải nhập lương thực để lo cái ăn cho nhân dân, nay chúng ta đã bảo đảm đủ lương thực để tiêu dùng trong nước và dành một khối lượng lớn để xuất khẩu. Tính bình quân từ năm 1989 đến 1995, mỗi năm chúng ta xuất khẩu được 1 - 1,5 triệu tấn gạo. Riêng năm 1997, xuất khẩu khoảng 3,5 triệu tấn và dự kiến năm 1998 xuất khẩu khoảng 4,5 triệu tấn, đưa Việt Nam lên hàng các quốc gia đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo.

- Về đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam : Đến cuối tháng 7 năm 1997, Việt Nam đã thu hút 2.076 dự án đầu tư với số vốn đăng ký 31,3 tỷ USD. Trừ các dự án đã kết thúc hoặc rút giấy phép trước thời hạn, hiện có 1.734 dự án với tổng số vốn đăng ký 28 tỷ USD, nếu tính cả Liên doanh dầu khí Việt - Xô thì vốn đăng ký là 29,4 tỷ USD, vốn đã thực hiện là 12,3 tỷ USD[7].

Ngoài ra, về phương diện đối ngoại uy tín của Việt Nam ngày càng cao trên trường quốc tế. Chúng ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước và quan

hệ làm ăn kinh tế với hơn 100 nước và vùng lãnh thổ. Chúng ta cũng đã củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với các nước ở Đông Âu và Liên Xô cũ; khôi phục và mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc; tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt với Lào; xây dựng quan hệ tốt với Campuchia; trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức ASEAN; bình thường hóa quan hệ với Mỹ v.v...

Ngày nay chúng ta đã bước sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, một lần nữa, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải tiếp tục nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ và sự kết hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị. Thành tựu của hơn 10 năm đổi mới vừa qua vừa tạo đà thuận lợi, vừa cung cấp những bài học quý để chúng ta tiếp tục giải quyết các vấn đề phức tạp, nặng nề hơn.

Nếu như đổi mới kinh tế trong 10 năm qua để nhằm đưa đất nước vượt qua khó khăn, ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa, thì đổi mới kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước lại mang một nội dung mới, hết sức nặng nề. Đó là, phải phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa, tạo lập quan hệ sản xuất tiên tiến, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo vững chắc an ninh, quốc phòng, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Cùng với đổi mới kinh tế, nội dung của đổi mới chính trị trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước cũng rất nặng nề và không ít phức tạp. Tất nhiên, cũng vẫn phải tuân thủ theo một nguyên tắc là đổi mới từng bước, hết sức thận trọng và vững chắc. Một trong những nội dung của đổi mới chính trị trong thời kỳ này là phải: tăng cường đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, để Đảng thực sự tương xứng với nhiệm vụ mới. Đồng thời phải xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, đúng là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật v.v...

Nắm vững và thực hiện cho đúng sự kết hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị - như bài học kinh nghiệm mà Đảng ta đã tổng kết ở Đại hội VIII, là phương châm và nguyên tắc trong mỗi bước đi lên của sự nghiệp đổi mới hôm nay và mai sau. Mọi biểu hiện của sự nôn nóng, chủ quan và xa rời bài học này - hậu quả sẽ không lường.

CHÚ THÍCH

- [1]. Văn kiện Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ VIII, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 71.
- [2]. Xem : Văn kiện Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ VI, NXB. ST, Hà Nội, 1987, tr. 17 và 18.

- [3], [4]. Xem : *Văn kiện Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ VI*, NXB. ST, Hà Nội, 1987, tr. 19 đến 28.
- [5]. *Văn kiện Đại hội VIII*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 70.
- [6]. Xem : *Những bài học của 10 năm đổi mới của Nguyễn Phú Trọng*, Tạp chí Cộng sản số 16 (8-1996), tr. 5.
- [7]. Xem : *Văn kiện Đại hội VIII*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 56 - 63; Xem : *Kinh tế Việt Nam sau 11 năm đổi mới*, Thông tin tóm tắt, tạp chí SỐ TAY XÂY DỰNG ĐẢNG Thành ủy TP. Hồ Chí Minh tháng 11 - 1997, tr. 1 - 3.